

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14/2019/HNGĐ - ST.**

Ngày: 29/03/2019.

V/v: Tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Thắng.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hải Phùng.**

Bà Nguyễn Thị Cờ.

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Trần Thu Hà** - cán bộ Toà án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 1152/2018/TLST- HNGĐ ngày 24/12/2018 về việc: tranh chấp ly hôn; Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX - ST ngày 15 tháng 03 năm 2019 giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: **Anh P.L.T**, sinh năm 1991; ĐKHKT và nơi ở: Số 510 đường TC, phường NTS, quận ĐĐ, TP HN;

Người bảo vệ quyền và lợi ích của anh T: Luật sư: Vũ Ngọc C – Công ty luật TNHH TA thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Chị Đ.T.T**, sinh năm 1993; ĐKHKT: Số 510 đường TC, phường NTS, quận ĐĐ, TP HN; Hiện nay đang ở tại: Số 5 ngõ 92 phố TK, phường LH, quận ĐĐ, TP HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh P.L.T trình bày: Anh và chị Đ.T.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường NTS, quận ĐĐ, TP HN ngày 10/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 510 đường TC, phường NTS, quận ĐĐ, TP HN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị T kiểm soát anh rất khắt khe, anh và gia đình hai bên đã nhiều lần góp ý nhưng chị T không sửa chữa nên làm ảnh hưởng đến tinh thần của anh. Mâu thuẫn cứ kéo dài âm ỷ dẫn đến anh không còn tình cảm với chị T và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng

không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, khả năng đoàn tụ là không thể. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là P.T.K sinh ngày 20/04/2015. Ly hôn, anh để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản và các khoản vay nợ): Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Anh tự nguyện chịu cả án phí LHST và không có yêu cầu gì đối với chị T.

Ngoài các yêu cầu trên, anh không có yêu cầu nào khác.

* Tại bản tự khai, chị Đ.T.T trình bày: Chị xác nhận về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và địa chỉ chung sống như anh T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và mẹ chồng không hòa thuận, chị còn trẻ nên cách ứng xử chưa khéo với mẹ chồng. Mặt khác, do anh T làm công an, hay đi sớm về muộn nên dẫn đến chị mất lòng tin và hay nghi ngờ anh T không chung thủy. Do đó, chị có ghen tuông và hay kiểm soát anh T. Nay anh T cương quyết ly hôn, chị không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm với anh T. Chị cũng xác định là có lỗi khi chưa chín chu với anh T cũng như gia đình nhà chồng nên chị sẽ cố gắng sửa chữa để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung như anh T trình bày là đúng. Trường hợp phải ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh T là 6.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản và các khoản vay nợ): chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài quan điểm, yêu cầu đã trình bày ra, chị không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, anh T xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày và không xuất trình chứng cứ tài liệu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Việc Thẩm phán tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ Điều 243 đến Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các bên đ-ơng sự tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T. Anh T được ly hôn với chị T.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 6.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung(động sản, bất động sản và các khoản vay nợ): Anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét. Các đương sự phải chịu án phí theo pháp luật.

Luật sư C sau khi trình bày các luận cứ bảo vệ quyền lợi cho anh T đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T. Anh T được ly hôn với chị T.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 6.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản và các khoản vay nợ): Anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, chị T đang thường xuyên sinh sống tại số 5 ngõ 92 phố TK, phường LH, quận ĐĐ, TP HN. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 điều 35 bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

{2} Về nội dung: Anh P.L.T và chị Đ.T.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường NTS, quận ĐĐ, TP HN ngày 10/10/2014. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã sống ly thân, không có sự quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T. Chị T không đồng ý ly hôn với anh T vì chị xác định vẫn còn tình cảm với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân của anh T chị T không còn hạnh phúc khi anh chị không còn lòng tin đối với nhau. Công việc của anh T là công an hình sự nên phải đi sớm về muộn. Đáng lẽ chị T phải thông cảm và động viên, nhưng chị lại thiếu sự tin tưởng nên thường xuyên kiểm soát anh T một cách khắt khe. Mặt khác, bản thân chị T cũng thừa nhận mình còn trẻ, thiếu khéo léo trong cách ứng xử với nhà chồng dẫn đến mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Từ những mâu thuẫn trên dẫn đến việc anh T không còn tình cảm với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng xin xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh T xác định không còn tình cảm với chị T và anh cũng không muốn hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy cuộc sống chung vợ chồng giữa anh T và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là hoàn toàn phù hợp với điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là P.T.K sinh ngày 20/04/2015. Ly hôn, anh T và chị T đều đồng ý thống nhất để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng/ tháng. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải trên cơ sở quyền lợi của con được đảm bảo. Cháu K hiện còn nhỏ nên để chị T trực tiếp

nuôi con là đảm bảo. Do đó, việc thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên được ghi nhận.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản và các khoản vay nợ): Anh T và chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 143, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326 về phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh P.L.T. Anh P.L.T được ly hôn chị Đ.T.T.

2. Về con chung: Xác nhận anh P.L.T và chị Đ.T.T có 01 con chung là P.T.K sinh ngày 20/04/2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh P.L.T và chị Đ.T.T khi ly hôn: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là P.T.K. Anh T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 04/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác thay thế.

Anh P.L.T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (động sản, bất động sản) và các khoản vay nợ: Anh P.L.T và chị Đ.T.T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh P.L.T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008116 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

- Anh P.L.T phải chịu 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung (Chưa nộp).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh T. Đ- ơng sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội.

- VKSND quận Đống Đa.

- Đ- ơng sự.

- L- u.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng